

DANH SÁCH HỘ NGHÈO NĂM 2025 XÃ BÌNH LŨ

(Kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lũ)

Tổng số hộ nghèo 290 hộ, 1126 khẩu.

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
1	Lò Minh Phương	Thái	02/8/1989	1	Nà Khan	
2	Lò Thị Chươi	Thái	10-09-1986	3	"	
3	La Thị Đền	Thái	14/04/1982	3	"	
4	Lò Thị Mai	Thái	24/11/1983	7	"	
5	Lò Thị Lả	Thái	24/11/1966	1	"	
6	Lò Thị Viên (Sinh)	Thái	01/01/1991	2	"	
7	Mào Thị Phúc (Dương)	Thái	14/8/1979	4	"	
8	Mã Văn Bình	Thái	22/10/1951	9	"	
9	Lò Văn Kinh	Thái	08/10/1979	5	"	
10	Lò Văn Thanh (Viện)	Thái	18/3/1970	5	"	
11	Lò Văn Phành	Thái	04-10-1966	5	"	
12	Vàng Văn Cương	Thái	01/01/1968	8	"	
13	Lò Văn Song	Thái	16/10/1966	7	"	
14	Lò Thị Sứ	Thái	15/6/1948	3	"	
15	Lò Văn Sương (Lang)	Thái	05/4/1977	5	Nà Phát	
16	Mùng Thị Hon	Thái	02-10-1958	4	"	
17	Lò Thị Ớn	Thái	28/03/1979	2	"	
18	Lò Văn Định (Thẩn)	Thái	24/01/2002	1	"	
19	Lò Thị Phấn	Thái	25/7/1960	1	"	
20	Vàng Văn Phương	Thái	25/11/1979	4	"	
21	Lò Văn Séo	Thái	19/02/1938	5	"	
22	Lò Văn Chanh	Thái	06/10/1983	4	"	
23	Hà Văn Đón	Thái	20/10/1951	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
24	Nguyễn Văn Sơn (Viên)	Kinh	01/1/1987	2	Bản Tân Bình	
25	Nguyễn Văn Mạnh	Kinh	10-10-1977	1	"	
26	Vũ Thị Lương	Kinh	03/01/1987	3	"	
27	Hoàng Thị Chín (Hạnh)	Kinh	06/9/1969	2	"	
28	Nguyễn Thị Lê	Kinh	02/01/1946	1	"	
29	Nguyễn Thị The (Luyện)	Kinh	09/10/1936	2	Hưng Bình	
30	Nguyễn Thị Oanh	Kinh	30/4/1954	3	"	
31	Nguyễn Thị Mơ	Kinh	08/02/1951	3	"	
32	Hoàng Thị Gái (Ro)	Kinh	01/01/1940	1	"	
33	Nguyễn Thị Nguyệt (Chân)	Kinh	01/01/1944	1	"	
34	Nguyễn Thị Hậu (Chiến)	Kinh	20/8/1979	3	"	
35	Nguyễn Hữu Viên	Kinh	26/4/1949	6	"	
36	Hoàng Thị Bé	Kinh	16/5/1942	1	"	
37	Nguyễn Văn Triu	Kinh	05/10/1945	2	"	
38	Nguyễn Thị Ninh	Kinh	01/01/1974	1	"	
39	Nguyễn Văn Thơ	Kinh	30/5/1953	4	"	
40	Nguyễn Thi Cáy (Đè)	Kinh	13/01/1941	1	"	
41	Nguyễn Văn Dũng	Kinh	01/4/1979	5	"	
42	Nguyễn Văn Rựa	Kinh	07/8/1952	3	"	
43	Nguyễn Văn Hùng	Kinh	15/5/1986	3	"	
44	Tao Thị Ngân (Ốn)	Lự	20/02/1989	3	Bản Pa Pe	
45	Tao Văn Nội	Lự	20/01/1957	2	"	
46	Lò Văn Ón (Thúy)	Lự	20/12/1992	4	"	
47	Lò Văn Chấn (Ngân)	Lự	01/10/1963	4	"	
48	Lò Văn Kẻo (Vân)	Lự	15/11/1985	4	"	
49	Tao Thị Kẻo	Lự	08/9/1983	7	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
50	Tao Văn Coong (Păn)	Lự	20/6/1958	5	"	
51	Khuong Thị Thùy Trang	Kinh	07/8/1987	3	"	
52	Lò Thị Bánh	Thái	01/01/1937	1	Nà Hum	
53	Lường Thị Ồm	Thái	10-10-1948	2	"	
54	Điêu Chính Tham	Thái	03/08/1987	4	"	
55	Tòng Văn Hặc	Thái	03/5/1983	4	"	
56	Tòng Văn Đón	Thái	08/5/1997	4	"	
57	Lò Thị Thồn (Mừu)	Thái	09/01/1952	5	"	
58	Tòng Văn Cu	Thái	18/10/1950	6	"	
59	Mào Văn Nhới	Thái	08/10/1964	5	"	
60	Lò Văn Thím	Thái	14/01/1955	3	"	
61	Mào Văn Phụng	Thái	'01/8/1988	4	"	
62	Vàng Văn Lún (Hạch)	Thái	04/8/2000	4	"	
63	Quàng Thị Khụi	Thái	14/10/1946	3	Nà Cà	
64	Lò Thị Khún	Thái	06/05/1967	3	"	
65	Lò Văn Thức	Thái	08-06-1974	3	"	
66	Lừu Văn Lý	Thái	11-12-1979	2	"	
67	Mào Thị Thim	Thái	18/10/1980	3	"	
68	Lò Văn Thê	Thái	03-08-1959	4	"	
69	Tòng Văn Nót	Thái	12-05-1990	5	"	
70	Mào Thị Sương	Thái	17/07/1975	3	"	
71	Lò Văn Phương	Thái	18/02/1987	4	"	
72	Vì Văn Chiêu	Thái	17/10/1991	5	Nà Đon	
73	Lò Thị Xương (Thiên)	Thái	10-09-1979	3	"	
74	Lò Thị Ní (Hó)	Thái	11-10-1954	3	"	
75	Lò Văn Bình	Thái	26/11/1986	4	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
76	Lò Văn Thông	Thái	15/9/1989	4	"	
77	Lò Thị Lê	Thái	12/8/1959	1	"	
78	Lò Văn Hoan (Đôi)	Thái	15/6/1986	3	"	
79	Lò Văn Thương (Phương)	Thái	25/8/1988	4	"	
80	Lò Văn Phá	Thái	01/01/1983	4	"	
81	Lò Thị Tâm	Thái	15/8/1973	2	"	
82	Lò Thị Tịa (Ngành)	Thái	13/06/1972	3	"	
83	Lò Văn Chỏi	Thái	15/01/1968	4	"	
84	Vàng Văn Có	Thái	10-12-1965	4	"	
85	Lò Văn Cường (An)	Thái	08-10-1994	5	"	
86	Lò Văn Hoan (Mới)	Thái	04/3/1993	4	"	
87	Lò Thị Phiếu	Thái	01/01/1961	3	"	
88	Lò Văn Sỏ	Thái	01/02/1973	4	Nà San	
89	Sỹ Thị Than	Thái	01/02/1951	2	"	
90	Lò Thị Núi	Thái	06/6/1959	1	"	
91	Lò Thị É (Phúi)	Thái	01/01/1942	1	"	
92	Lò Văn Thắng (Ngắm)	Thái	07-11-1988	6	"	
93	Lò Thị Lả (Hánh)	Thái	01/01/1970	6	"	
94	Lò Văn Xanh	Thái	15/01/1952	3	"	
95	Lò Thị Pòm (Khóm)	Thái	01/01/1974	4	"	
96	Lò Văn Nghím	Thái	08-10-1982	4	"	
97	Lò Văn Mìn	Thái	20/8/1958	3	"	
98	Lò Văn Inh	Thái	27/3/1991	8	"	
99	Lò Thị Ngón	Thái	10-10-1964	7	"	
100	Lò Văn Ánh	Thái	07/12/1974	5	"	
101	Tao Văn An	Thái	09/02/1984	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
102	Lò Văn Lún	Thái	14/5/1990	5	Noong Luống	
103	Tòng Văn Dọn	Thái	01/01/1962	3	"	
104	Lò Văn Nội	Thái	27/7/1963	2	"	
105	Teo Văn Nhói	Thái	15/10/1983	5	"	
106	Lò Văn Phớ	Thái	14/3/1957	4	"	
107	Lò Văn Thượng (Inh)	Thái	06/9/1992	4	"	
108	Lường Văn Khim	Thái	02/3/1973	5	"	
109	Tòng Văn Hường	Thái	06/9/1982	6	"	
110	Lò Văn Khám	Thái	20/10/1986	4	"	
111	Hoàng Thị Mười	Giáy	15/02/1938	2	Bản Km2	
112	Mùng Thị Tân (Chín)	Giáy	12-06-1967	5	"	
113	Vũ Thị Đào	Kinh	02/02/1931	1	Bản Thống Nhất	
114	Trần Thị Nghê	Kinh	01/01/1968	1	"	
115	Má Thị Én	Giáy	03/6/1954	1	Bản Thèn Thầu	
116	Hoàng Thị Tờ (Tủi)	Giáy	01/8/1948	2	"	
117	Hoàng Thị Sĩ	Giáy	01/01/1936	1	"	
118	Vàng Văn Chung	Giáy	01/9/1943	1	"	
119	Lù Văn Thơm	Giáy	02/01/1979	4	"	
120	Hoàng Đình Hồng	Kinh	04-10-1979	4	"	
121	Vùi Thị Chi	Giáy	12/02/1974	4	"	
122	Vàng Văn Yên (Tiu)	Giáy	01/01/1975	3	"	
123	Tổng Văn Chín	Giáy	21/8/1983	4	"	
124	Nguyễn Thị Tho (Đỏ)	Kinh	05/02/1960	5	Bản Hoa Vân	
125	Nguyễn Thị Mẽ	Kinh	01/01/1949	1	"	
126	Vũ Ngọc Chuyên	Kinh	19/4/1940	2	"	
127	Nguyễn Thị Nhu	Kinh	01-01-1937	1	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
128	Nguyễn Văn Chỉ	Kinh	19/8/1952	3	"	
129	Đỗ Thị Lan	Kinh	01/01/1962	1	"	
130	Nguyễn Thị Lánh	Kinh	01/01/1954	5	"	
131	Đỗ Văn Năm	Kinh	25/04/1956	3	"	
132	Trần Thị Vít	Kinh	10/10/1932	1	Bản Toòng Pắn	
133	Nguyễn Thị Bông	Kinh	01/01/1946	1	"	
134	Hoàng Đình Toàn	Kinh	10-10-1982	3	"	
135	Hàng A Súa	Mông	01/05/1960	3	Bản Chu va 12	
136	Hàng A Vúr	Mông	15/10/1986	2	"	
137	Lù A Thông	Mông	01/01/1969	4	"	
138	Lù A Chia	Mông	01/01/1971	7	"	
139	Chang A Cơ (Sua)	Mông	30-01-1979	2	"	
140	Giàng Thị Cùa	Mông	01/01/1980	4	"	
141	Vàng A Nhà	Mông	19/9/1962	4	Bản Chu va 6	
142	Sùng A Nhà	Mông	01/1/1970	2	"	
143	Lù A Kỳ	Mông	01/01/1928	2	"	
144	Thào Thị Sung	Mông	20-02-1944	5	"	
145	Lù A Đình	Mông	01/01/1945	1	"	
146	Phạm Xuân Cung	Kinh	20/7/1987	6	"	
147	Thào Thị Lý	Mông	01/01/1976	3	"	
148	Giàng A Trai	Mông	05/02/1956	2	"	
149	Tần San Mẫy	Dao	20/03/1945	2	"	
150	Chang A Váng	Mông	01/01/1985	4	Bản Chu va 8	
151	Chang A Páo	Mông	01/01/1952	6	"	
152	Giàng A Sèo	Mông	20-04-1977	7	"	
153	Giàng Thị Ly (Sua)	Mông	05/01/1994	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
154	Má Thị Mỹ	Mông	01/01/1965	1	"	
155	Liều A Lềnh	Mông	01/01/1988	4	"	
156	Vàng Thị Khu	Mông	01/01/1961	3	"	
157	Vàng A Tủa	Mông	15-09-1999	4		
158	Liu Thị Pháy	Mông	02-11-1983	5	Bản Nậm Dê	
159	Sìn Thị Lý	Giáy	20-04-1947	3	"	
160	Hàng Thị Pàng	Mông	05/11/1976	9	"	
161	Lù Thị Kia	Mông	10/03/1982	5	"	
162	Sùng Thị Sai (Sử)	Mông	01/01/1987	4	"	
163	Vàng A Vần	Mông	17/12/1986	7	Bản 46	
164	Vàng A Thảo	Mông	01/01/1998	4	"	
165	Phùng Thị Mũi	Dao	07/08/1942	3	"	
166	Chào Thị Mũi	Dao	11/01/1958	8	"	
167	Chào Văn Cầu	Dao	27/7/1985	6	"	
168	Lành Văn Khé	Dao	10-10-1993	5	"	
169	Chào Thị Sính	Dao	23/12/1978	4	"	
170	Chào Thị Lữ	Dao	26/08/1975	5	"	
171	Vàng Văn Chín	Mông	22/03/1979	4	"	
172	Vàng Văn Xuân	Mông	30/04/1952	4	"	
173	Giàng Văn Thanh	Mông	01/04/1988	4	"	
174	Luru Su Sín	Lô Lô	01/06/1992	5	"	
175	Lý Dàn Nhàn	Dao	16/08/1962	5	"	
176	Vàng A Phừ	Mông	01/01/1986	4	"	
177	Lèo Thị Sừ	Hoa	01/01/1947	2		
178	Lý Văn San	Hoa	25/08/1997	5		
179	Xuân Tinh Chấn	Hoa	15/09/1953	2	Bản Tân Hợp	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
180	Lò Thị Hặc A	Thái	07/10/1962	3	"	
181	Vàng Văn Dạng	Thái	05/06/1964	6	"	
182	Quàng Thị Nội	Thái	01/01/1981	4	"	
183	Chào Seo Đình	Hoa	15/03/1951	1	"	
184	Lò Văn Hợp	Thái	20/07/1991	4	"	
185	Vàng A Chinh B	Mông	18/03/1988	5	Bản Huổi ke	
186	Hạng Thị Sú	Mông	01/01/1972	6	"	
187	Vàng A Chinh B	Mông	01/02/1978	5	"	
188	Vàng A Kháo	Mông	01/01/1990	7	"	
189	Vàng Thị Lãng	Mông	01/01/1968	11	"	
190	Vàng A Dũng (B)	Mông	01/01/1982	7	"	
191	Hạng A Dê	Mông	01/01/1980	9	"	
192	Hạng A Lý	Mông	01/01/1985	7	"	
193	Hạng A Dừa C	Mông	01/01/1986	6	"	
194	Hạng A Câu	Mông	01/01/1970	7	"	
195	Vàng A Tính (B)	Mông	01/01/1984	6	"	
196	Vàng A Tàng	Mông	20/01/1994	6	"	
197	Vàng A Đá	Mông	/16/04/1972	8	"	
198	Vàng A Sính (B)	Mông	02/01/1993	5	"	
199	Vàng A Cả	Mông	07/13/1968	8	"	
200	Hạng A Sử	Mông	10/06/1992	7	"	
201	Hạng A Páo	Mông	01/01/1986	6	"	
202	Hạng Thị Su	Mông	17/02/1966	7	"	
203	Vàng A Câu	Mông	01/01/1992	4	"	
204	Vàng A Sính	Mông	20/07/1974	7	"	
205	Vàng A Giồng (A)	Mông	12/01/1941	9	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
206	Vàng A Trư (A)	Mông	03/01/1986	8	"	
207	Vàng A Giáo (Giả)	Mông	01/01/1976	5	"	
208	Vàng Thị Sau (Pay)	Mông	12/08/1968	2	"	
209	Hạng Thị Lãng	Mông	24/10/1967	6	"	
210	Vàng Thị Su	Mông	01/01/1968	6	"	
211	Hạng A Tinh	Mông	16/11/1992	6	"	
212	Hạng A Già	Mông	05/12/1983	8	"	
213	Tần Lao Tả	Dao	05/02/1995	4	"	
214	Hạng A Sài	Mông	01/01/1995	5	"	
215	Vàng A Páo	Mông	01/01/1986	7	"	
216	Hạng A Sang	Mông	01/01/1988	4	"	
217	Vàng A Gà	Mông	001/01/1992	6	"	
218	Vàng A Chùa	Mông	01/01/1996	6	"	
219	Vàng A Phàng B	Mông	06/08/1986	7	"	
220	Vàng A Chứ B	Mông	05/04/1997	4	"	
221	Vàng A Tinh	Mông	10/08/1995	3	"	
222	Vàng A Sinh	Mông	26/10/1975	9	"	
223	Nguyễn Ngọc Phú	Kinh	2/1972	1	Bản Nà Đa	
224	Nguyễn Thị Hoa	Kinh	01-01-1969	2	"	
225	Vũ Thị Nụ	Kinh	10-01-1936	1	"	
226	Nguyễn Văn Hiệp	Kinh	10-11-1982	4	"	
227	Nguyễn Đình Sơn	Kinh	27-10-1984	3	"	
228	Nguyễn Thị Cúc	Kinh	01-05-1920	4	Bản Tiên Bình	
229	Chào Lao San	Dao	05-10-1967	9	"	
230	Nguyễn Thị Gái	Kinh	06-05-1971	2	"	
231	Nguyễn Thị Hoa	Kinh	16-01-1982	3	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
232	Lò Thị Xím	Thai	07-07-1974	2	Bản Nậm Tường	
233	Vàng Thị Chủ	Mông	06-11-1972	2	"	
234	Tao Văn Nhân	Thái	1951	3	"	
235	Lương Thị Nho	Thái	14-04-1945	5	Bản Sân Bay	
236	Tòng Thị Bang	Thái	01-01-1984	2	"	
237	Hoàng Văn Liêng	Thái	04-04-1952	3	"	
238	Lò Thị Dựng	Thái	06-05-1979	3	"	
239	Nguyễn Thị Tâm	Kinh	23-06-1960	3	"	
240	Khoàng Thị Thích	Kinh	20/02/1978	2	Bản Bình Luông	
241	Lò Thị Dim	Thái	13-12-1987	3	"	
242	Tần Lao Lở	Dao	1950	4	Bản Thác Tình	
243	Lý Thị Xuân	Dao	17-04-1964	5	"	
244	Tần A Sử	Dao	01-01-1974	4	"	
245	Tần A Ton	Dao	28-11-1993	4	"	
246	Tần Lao U	Dao	30-12-1985	4	"	
247	Phàn Mây Nây	Dao	10-11-1962	4	"	
248	Lù Thị Bện	Dao	1958	1	"	
249	Tần A Sảo	Dao	29-09-1982	5	"	
250	Lù Đình Tục	Dao	03-02-1986	4	"	
251	Hoàng A Kéng	Dao	18-10-1988	5	"	
252	Tần A Tải	Dao	12-09-1988	4	"	
253	Lù Thị Đâu	Dao	07-07-1960	5	"	
254	Lù A Đâu (A)	Dao	01/01/1986	4	"	
255	Phàn A Giàng	Dao	06-05-1998	4	"	
256	Lù A Man (Páo C)	Dao	27-11-1992	8	"	
257	Lù A Pao	Dao	17-03-1973	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
258	Tần Thị Gôn	Dao	23-03-1961	4	"	
259	Lù Thị Mễng	Dao	14-01-1957	1	"	
260	Tần A San	Dao	25-07-1999	4	"	
261	Lù A Páo (A)	Dao	03-06-1989	5	"	
262	Tần A Sâu	Dao	11-05-1990	4	"	
263	Tần A Câu (B)	Dao	16-11-1966	6	"	
264	La Thị Ón	Thái	05-07-1989	2	Bản Thác Cạn	
265	Sý Thị Hăng	Thái	12-10-1972	3	"	
266	Đèo Văn Héo	Thái	15-08-1978	5	"	
267	Lò Văn Kinh	Thái	03-09-1968	2	"	
268	Hà Văn Nghị	Thái	13-11-1984	5	Bản Hồ Ta	
269	Lường Thị Mậu	Thái	14-10-1988	3	"	
270	Lò Thị Mai	Thái	01-01-1974	2	"	
271	Vàng Văn Ớm	Thái	04-10-1968	4	"	
272	Vàng Thị Khún	Thái	1932	2	Bản Mường Cầu	
273	Lù Thị Bánh	Thái	10-06-1959	2	"	
274	Lò Thị Kém	Thái	10-06-1959	2	"	
275	Lý Thị Tiện	Thái	03-03-1986	3	"	
276	Nguyễn Thị Nghi	Kinh	18-05-1959	1	Bản Trung Tâm	
277	Đỗ Thị Loan	Kinh	22/3/1966	2	"	
278	Vàng Văn Đơn	Thái	06-10-1976	5	Bản Mường Mớ	
279	Lò Thị Ón	Thái	26-11-1983	3	"	
280	Lò Thị Lả	Thái	1933	2	"	
281	Lý Thị Đăm	Thái	1955	2	"	
282	Vàng Thị Yên	Thái	25-12-1965	4	"	
283	Nguyễn Văn Toán	Kinh	15-02-1927	2	Bản Máy Đường	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
284	Lại Văn Quý	Kinh	25-11-1963	1	"	
285	Lý Thị Chin	Dáy	01-01-1941	3	Bản Cò Lá	
286	Vàng Thị Liếng	Dáy	01-01-1932	2	"	
287	Vùi Thị Duồn	Dáy	01-01-1950	1	"	
288	Lê Thị Tuyết	Kinh	03-01-1984	5	"	
289	Vàng Thị Va	Dáy	01-01-1965	3	"	
290	Lò Thị Ang	Dáy	20-05-1959	3	"	
Tổng cộng: 290 hộ				1126		

DANH SÁCH**HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2025 XÃ BÌNH LƯU***(Kèm theo Quyết định số: 280/QĐ-UBND, ngày 9 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lưu)***Tổng số hộ có mức sống trung bình: 555 hộ, 2421 khẩu.**

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
1	Giàng Văn Sơn	Thái	24/6/1984	4	Bản Nà Khan	
2	Vàng Văn Bình	Thái	15/6/1976	5	"	
3	Vàng Văn Thương	Thái	04-10-1988	5	"	
4	Lò Văn Xum	Thái	20/10/1990	4	"	
5	Sý Văn Nung	Thái	'09/12/1982	5	"	
6	Lò Văn Xuân	Thái	01/01/1982	6	"	
7	Nùng Văn Tới	Thái	19/9/1970	8	"	
8	Đèo Văn Nghiên	Thái	20/8/1963	4	"	
9	Lò Văn Tuấn	Thái	17/8/1996	4	"	
10	Tòng Văn Chuyên	Thái	19/7/1966	6	"	
11	Lò Văn Tú	Thái	15/10/1978	4	"	
12	Lò Văn Chỏi	Thái	05/8/1950	6	"	
13	Lò Văn Định (Mon)	Thái	20/01/1995	6	"	
14	Mùng Văn Dũng	Thái	06/06/1988	4	"	
15	Đèo Văn Phúc (Tây)	Thái	14/07/1993	5	"	
16	Vàng Văn Thi	Thái	28/01/1990	4	"	
17	Vàng Văn Ưng	Thái	08/8/1972	4	"	
18	Đèo Văn Đức	Thái	18/3/1997	4	"	
19	Lò Văn Phan	Thái	12-12-1968	5	"	
20	Đèo Văn Nghiên	Thái	20/5/1964	6	"	
21	Vàng Văn Sìn	Thái	04/01/1948	6	"	
22	Sỹ Thị Thuận	Thái	01/12/1974	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
23	Lò Thị Ne	Thái	05/7/1980	3	"	
24	Hoàng Văn Hoan	Thái	15/01/1991	4	"	
25	Lò Văn Mới	Thái	03/01/1986	7	"	
26	Lò Văn Long	Thái	28/08/1995	3	"	
27	Tòng Văn Giúp	Thái	09/02/1991	5	"	
28	Nùng Văn Thành	Thái	12/07/1982	5	"	
29	Sí Văn Đêm	Thái	14/07/1994	6	"	
30	Lò Thị Vọng	Thái	22/07/1981	3	"	
31	Lò Văn Kim	Thái	21/07/1995	4	"	
32	Lò Văn Thanh (cương)	Thái	06/7/1976	3	"	
33	Lò Thị Thén	Thái	20/5/1972	2	"	
34	Vàng Văn Inh	Thái	03/3/1970	4	"	
35	Lò Văn Chiên	Thái	04-10-1984	3	"	
36	Lò Văn Chiu	Thái	16/02/1977	4	"	
37	Lò Văn Xuân (nội)	Thái	13/6/1996	4	"	
38	Lò Văn Thảng	Thái	05/6/1969	3	"	
39	Lò Văn Chiễn	Thái	05/01/1960	6	Bản Nà Phát	
40	Lò Văn Thịnh	Thái	10-12-1968	6	"	
41	Lò Văn Thu	Thái	09/5/1986	5	"	
42	Lò Văn Thom (Chái)	Thái	29/12/1989	8	"	
43	Lò Văn Thó	Thái	01/10/1958	6	"	
44	Lò Văn Anh	Thái	08/3/1988	4	"	
45	Lò Văn Thương A	Thái	01/2/1968	6	"	
46	Lò Thị Hiện	Thái	12/12'1960	2	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
47	Lò Thị Van	Thái	15/10/1981	4	"	
48	Lò Văn Tếu	Thái	18/8/1970	5	"	
49	Lò Văn Chợ	Thái	07/7/1967	3	"	
50	Vàng Thị Thu	Thái	17/5/1993	5	"	
51	Lò Thị Thắm	Thái	16/02/1984	3	"	
52	Lò Văn Thom	Thái	08/5/1984	5	"	
53	Lò Văn Hặc	Thái	10-10-1956	5	"	
54	Lò Văn Pản	Thái	22/12/1979	4	"	
55	Lò Văn Thương	Thái	20/4/1980	5	"	
56	Lò Văn Phòng	Thái	23/3/1960	7	"	
57	Lò Văn Nung	Thái	16/02/1987	5	"	
58	Tòng Văn Sư	Thái	29/11/1987	5	"	
59	Lò Thị Thu (hy)	Thái	08-10-1976	2	"	
60	Lò Văn Điều	Thái	27/02/1966	9	"	
61	Vân Văn Sơn	Thái	01/8/1988	4	"	
62	Đèo Văn Lả	Thái	01/6/1984	4	"	
63	Lò Văn Tế	Thái	11/02/1987	4	"	
64	Sỹ Văn Chìm	Thái	01/01/1984	4	"	
65	Lò Văn Cóm	Thái	15/09/1969	5	"	
66	Vân Văn Mẹo	Thái	10/08/1965	6	"	
67	Lò Thị Linh	Thái	01/01/1975	7	"	
68	Lò Văn Dàn	Thái	04/08/1995	4	"	
69	Đồng Thị Thả	Thái	08/12/1965	2	"	
70	Vàng Thị Tâm	Thái	02/02/1982	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
71	Lò Thị Thi	Thái	10/10/1984	4	"	
72	Lò Thị Hiền (Cum)	Thái	01/01/1993	4	"	
73	Nguyễn Quý Chiến	Kinh	18/10/1979	5	Bản Tân Bình	
74	Lục Kim Hoàn	Kinh	01/01/1980	5	"	
75	Nguyễn Văn Núi	Kinh	09/6/1969	4	"	
76	Nguyễn Thành Năm	Kinh	08/4/1969	5	"	
77	Nguyễn Văn Núi	Kinh	09/6/1969	2	"	
78	Nguyễn Thị Xuân	Kinh	19/12/1966	2	"	
79	Trần Thị Liên	Kinh	08/8/1945	1	"	
80	Trần Thị Tơ	Kinh	28/8/1953	1	"	
81	Nguyễn Đình Muôn	Kinh	09/10/1959	2	Bản Hưng Bình	
82	Nguyễn Thị Lụa	Kinh	08/12/1971	3	"	
83	Nguyễn Thị Thảo	Kinh	06/11/1976	3	"	
84	Hoàng Đình Quân	Kinh	22/12/1985	1	"	
85	Đỗ Văn Hùng	Kinh	'06/02/1978	2	"	
86	Nguyễn Thị Mến	Kinh	'06/7/1968	4	"	
87	Nguyễn Thị Hoàn	Kinh	05/4/1965	3	"	
88	Nguyễn Văn Thắng	Kinh	20/02/1978	3	"	
89	Nguyễn Thị Huệ	Kinh	30/04/1971	1	"	
90	Nguyễn Văn Dũng	Kinh	21/03/1983	5	"	
91	Đình Bá Mạnh	Kinh	05/02/1977	6	"	
92	La Như Hòa	Kinh	09/10/1989	2	"	
93	Nguyễn Đình Cẩm	Kinh	10-02-1978	4	"	
94	Nguyễn Văn Hải	Kinh	04-10-1983	3	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
95	Đặng Thị Nhân	Kinh	19/05/1950	1	"	
96	Nguyễn Thị Hảo	Kinh	04/02/1987	5	"	
97	Nguyễn Thị Huế	Kinh	01/01/1971	2	"	
98	Nguyễn Văn Lân	Kinh	03-10-1940	2	"	
99	Nguyễn Văn Thoại	Kinh	01/01/1946	2	"	
100	Nguyễn Thị Tâm	Kinh	01/01/1950	4	"	
101	Nguyễn Hữu Vương	Kinh	07/02/1956	4	"	
102	Hoàng Công Lũy	Kinh	07/4/1957	3	"	
103	Nguyễn Thị Nga	Kinh	08/10/1960	7	"	
104	Nguyễn Thị Nhẫn	Kinh	01/01/1962	2	"	
105	Hoàng Thị Thìn	Kinh	06/6/1957	5	"	
106	Lò Văn Khăm (Én)	Lự	08/7/1987	4	Bản Pa Pe	
107	Lò Văn Đa	Lự	04/04/1980	5	"	
108	Lò Văn Khăm (Ún)	Lự	01/07/1970	4	"	
109	Lò Văn Ngân (Giót)	Lự	06/3/1981	4	"	
110	Tao Văn Én	Lự	02/02/1988	4	"	
111	Tao Văn Ún	Lự	21/11/1983	4	"	
112	Lò Văn Tan	Lự	09/10/1968	6	"	
113	Lò Văn Sâu	Lự	29/9/1966	7	"	
114	Lò Văn Von	Lự	06/9/1969	6	"	
115	Lò Văn Ngân (Pín)	Lự	06/3/1981	4	"	
116	Tao Văn Hặc	Lự	03-12-1975	7	"	
117	Tao Văn Thum	Lự	01/7/1965	4	"	
118	Lò Văn Phúm (chăn)	Lự	12/11/1959	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
119	Lò Văn Giót (Kẻo)	Lự	07/10/1981	5	"	
120	Lò Văn Bun (Păn)	Lự	23/11/1977	5	"	
121	Tao Văn Sòn (cường)	Lự	16/11/1985	4	"	
122	Lò Văn Nó	Lự	15/02/1962	6	"	
123	Tao Văn Chom (Ban)	Lự	07/01/1979	4	"	
124	Lò Văn Khăm (hiên)	Lự	06-10-1978	4	"	
125	Tao Văn Pành (Pín)	Lự	10/10/1976	4	"	
126	Lò Văn Tun	Lự	27/4/1987	4	"	
127	Lò Văn Ún	Lự	24/9/1957	4	"	
128	Lò Văn Xúc	Lự	10/01/1974	6	"	
129	Lò Thị Khăm	Lự	15/06/1972	4	"	
130	Quàng Văn Nối	Thái	06/10/1970	10	Bản Nà Hum	
131	Điêu Chính Ngóm	Thái	20/11/1985	6	"	
132	Lò Văn Còi	Thái	20/11/1968	4	"	
133	Lò Văn Liễm	Thái	01/01/1976	3	"	
134	Lò Văn Tụn (Quàn)	Thái	03/03/1986	5	"	
135	Lò Văn Cày	Thái	17/08/1963	3	"	
136	Lò Văn Cươi	Thái	12/03/1964	9	"	
137	Quàng Văn Dinh	Thái	16/5/1963	6	"	
138	Tòng Văn Thịnh	Thái	'07/10/1968	10	"	
139	Nùng Văn Nối	Thái	'01/10/1977	5	"	
140	Mào Văn Pung	Thái	15/3/1960	4	"	
141	Điêu Chính Thon	Thái	21/02/1972	4	"	
142	Tòng Văn Thon	Thái	15/07/1940	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
143	Quàng Văn Xương	Thái	30/01/1972	8	"	
144	Hà Văn Uân	Thái	10/07/1972	3	"	
145	Mào Văn Nguyễn	Thái	01/07/1967	9	"	
146	Mào Văn Chậm	Thái	20/9/1957	3	"	
147	Vàng Văn Viễn	Thái	03/7/1972	7	"	
148	Quàng Văn Tranh	Thái	15/3/1966	7	"	
149	Lò Văn Tụn	Thái	04/12/1989	5	"	
150	Lò Văn Thành	Thái	10-11-1985	6	"	
151	Điêu Chính Thim	Thái	03/8/1992	3	"	
152	Điêu Chính Nguỵn	Thái	01/01/1976	3	"	
153	Lý Văn Xuân	Thái	08/11/1983	5	"	
154	Điêu Chính Thắng	Thái	15/02/1982	4	"	
155	Điêu Chính Thích	Thái	13/10/1978	4	"	
156	Tòng Văn Phích	Thái	02/10/1974	3	"	
157	Điêu Chính Thiết	Thái	02/8/1980	5	"	
158	Tòng Văn Thọi	Thái	08/6/1974	6	"	
159	Lò Văn Quyền	Thái	18/3/1952	5	"	
160	Lò Văn Nhón	Thái	07/7/1968	6	"	
161	Điêu Văn Điềm	Thái	10/4/1985	4	"	
162	Mò Văn Thượng	Thái	21/7/1978	4	"	
163	Lò Văn Soi	Thái	01/01/1972	4	"	
164	Điêu Thị Ngán	Thái	01/8/1982	5	"	
165	Lò Văn Sâm	Thái	15/05/1979	4	Bản Nà Cà	
166	Lìu Văn Núi	Thái	07-10-1961	3	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
167	Lò Văn Thí	Thái	02/2/1963	6	"	
168	Lò Văn Nội	Thái	03-10-1979	4	"	
169	Tòng Văn Viêng	Thái	05/10/1979	7	"	
170	Lò Văn Dọn	Thái	05/6/1986	4	"	
171	Tòng Văn Lấn	Thái	10-12-1958	6	"	
172	Tòng Văn Đon	Thái	01/01/1986	4	"	
173	Lường Văn Ẻo	Thái	20/3/1953	4	"	
174	Lừu Văn Máng	Thái	20/9/1988	4	"	
175	Lò Văn Trái	Thái	05/01/1972	6	"	
176	Lường Văn An	Thái	06/9/1978	4	"	
177	Nùng Văn Cương	Thái	14/4/1973	5	"	
178	Lò Văn Ánh	Thái	01/01/1989	4	"	
179	Lò Thị Phát	Thái	14/11/1965	6	"	
180	Quàng Văn Kem	Thái	01/01/1978	8	"	
181	Tòng Thị Thơi	Thái	01/01/1975	2	"	
182	Mào Thị Xuân	Thái	02/02/1970	7	"	
183	Tòng Văn Sinh	Thái	18/8/1996	4	"	
184	Lò Văn Nghiên	Thái	02/06/1956	6	"	
185	Lường Văn Chấm	Thái	04/8/1992	2	"	
186	Lò Văn Hoan	Thái	15/12/1981	5	"	
187	Giàng Văn Giang	Thái	01/01/1988	5	"	
188	Lò Thị Khở	Thái	18/9/1974	6	"	
189	Lò Thị Pá	Thái	08/5/1968	6	"	
190	Lò Thị Đôi	Thái	18/02/1977	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
191	Quàng Thị Định	Thái	12/02/1976	4	"	
192	Tòng Văn Ngai	Thái	18/8/1989	3	"	
193	Lò Thị Dín	Thái	10-10-1962	5	Bản Nà Đon	
194	Lò Văn Hặc	Thái	02-06-1993	3	"	
195	Vàng Văn Hặc	Thái	10-05-1996	4	"	
196	Lò Văn Minh (hặc)	Thái	30/3/1984	4	"	
197	Vàng Văn Lả	Thái	09-04-1980	6	"	
198	Vàng Văn Dũng	Thái	06-02-1987	3	"	
199	Lò Văn Đương	Thái	15/02/1972	5	"	
200	Lò Văn Phong	Thái	09/10/1972	3	"	
201	Vàng Văn Pẻ	Thái	22/7/1970	5	"	
202	Lò Văn So	Thái	01/01/1972	5	"	
203	Teo Văn Pâng	Thái	02/3/1983	5	"	
204	Lò Văn Phính (Định)	Thái	08/10/1973	6	"	
205	Lò Văn Thoạn	Thái	04/6/1984	4	"	
206	Lò Văn Lả (Bang)	Thái	06/12/1980	5	"	
207	Lò Văn Vương	Thái	04/01/1990	4	"	
208	Lò Văn Chương	Thái	05-10-1972	4	"	
209	Lò Văn Nhập	Thái	05/02/1989	4	"	
210	Lò Văn Biên	Thái	06/5/1975	7	"	
211	Vàng Văn Chỉ	Thái	01/8/1969	4	"	
212	Lò Văn Phóng	Thái	01/01/1979	4	"	
213	Lò Văn Cẩm	Thái	05/7/1988	4	"	
214	Lò Văn Lả (huấn)	Thái	13/9/1989	7	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
215	Vàng Văn Đén	Thái	21/3/1991	4	"	
216	Vàng Văn Bình	Thái	24/02/1979	5	"	
217	Lò Văn Nim	Thái	02/02/1989	6	"	
218	Lò Văn Khởi	Thái	20/06/1972	5	"	
219	Lò Văn Vịnh	Thái	10/01/1975	6	"	
220	Lù Văn Thao	Thái	30/12/1974	6	"	
221	Lù Văn Đưa	Thái	25/3/1972	5	"	
222	Lò Văn Xanh	Thái	08-12-1988	5	"	
223	Lò Thị Thiển	Thái	06/4/1979	3	"	
224	Lò Văn Pao	Thái	16/06/1965	3	"	
225	Lò Xuân Thông	Thái	03/5/1979	6	"	
226	Lò Thị Héo	Thái	15/7/1965	3	"	
227	Lò Văn Chú	Thái	06/10/1962	6	"	
228	Lò Văn Dương (Thoi)	Thái	24/4/1985	3	"	
229	Lò Văn Hom	Thái	09/9/1990	5	"	
230	Quàng Văn Chéo	Thái	15/11/1969	4	"	
231	Hà Thị Y	Thái	10-04-1977	4	"	
232	Nùng Thị Ôn	Thái	01/01/1971	3	"	
233	Lò Văn Hượng	Thái	17/03/1998	4	"	
234	Vàng Văn Thanh	Thái	27/6/2002	4	"	
235	Vàng Văn Giót	Thái	03-10-1988	5	"	
236	Lò Văn Thích	Thái	06/8/1977	4	"	
237	Teo Văn Ninh	Thái	01/01/1992	4	"	
238	Vàng Văn Ngánh	Thái	07/10/1978	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
239	Lò Văn Chơm	Thái	15/10/1993	4	"	
240	Lò Văn Thạch	Thái	08/8/1996	2	"	
241	Vàng Văn Chung	Thái	04/02/1980	3	"	
242	Lò Văn Kính	Thái	10/02/1976	6	"	
243	Vàng Văn Hây	Thái	05/9/1970	7	"	
244	Vàng Văn Sơn	Thái	13/11/1993	4	"	
245	Vàng Văn Pánh	Thái	15/02/1989	5	"	
246	Lò Văn Thành	Thái	05/6/1974	6	"	
247	Vàng Văn Hội	Thái	29/12/1975	5	"	
248	Lò Văn Khảm	Thái	05/10/1993	3	"	
249	Lò Văn Chái (Tụt)	Thái	11/10/1957	3	"	
250	Lò Văn Hùng	Thái	16/01/1988	4	"	
251	Vàng Thị Inh	Thái	07/5/1979	2	"	
252	Lò Văn Thoong	Thái	01/01/1989	5	"	
253	Lò Văn Hẳng	Thái	02/3/1991	4	"	
254	Lò Văn Lả (Thơm)	Thái	01/9/1976	10	"	
255	Lò Văn Túì	Thái	01/01/1971	5	"	
256	Lò Văn Chái (Thơm)	Thái	01/01/1987	5	"	
257	Vì Văn Năm	Thái	15/7/1962	5	"	
258	Lò Văn Dịu	Thái	15/8/1962	8	"	
259	Lò Văn Thom	Thái	10-12-1969	6	"	
260	Vàng Văn Phương	Thái	15/4/1963	3	"	
261	Lò Văn Bính	Thái	01/02/1982	7	"	
262	Lò Văn Đăm	Thái	05/02/1972	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
263	Vàng Văn Thông	Thái	03/3/1977	4	"	
264	Vàng Văn Thăm	Thái	15/12/1991	4	"	
265	Lò Văn Thịnh	Thái	8/01/1985	5	Bản Nà San	
266	Lò Văn Phong	Thái	19/8/1983	4	"	
267	Lò Văn Chanh	Thái	06/6/1970	7	"	
268	Lù Văn Giót	Thái	01/01/1966	8	"	
269	Lò Văn Beo	Thái	20/10/1989	5	"	
270	Vương Văn Nhiu	Thái	02/12/1976	5	"	
271	Tòng Văn Thong	Thái	02/01/1969	5	"	
272	Tòng Văn Khoán	Thái	09-10-1972	8	"	
273	Lò Văn Lánh	Thái	20/02/1964	5	"	
274	Lò Văn Khanh	Thái	28/02/1972	4	"	
275	Lò Thị Kem	Thái	03/8/1959	7	"	
276	Lò Văn Hùng	Thái	19/6/1987	6	"	
277	Lò Văn Bình	Thái	08/5/1991	8	"	
278	Lò Văn Ninh	Thái	02/12/1970	13	"	
279	Lù Thị Hán	Thái	01/01/1968	2	"	
280	Lường Văn Thỏ	Thái	13/3/1996	7	"	
281	Lò Văn Xim	Thái	18/3/1995	6	"	
282	Lò Thị Hịa	Thái	04/02/1971	9	"	
283	Lù Văn Hơ	Thái	01/10/1969	3	"	
284	Lò Văn Lợi	Thái	23/3/1987	4	"	
285	Lò Văn Thong	Thái	02/01/1969	5	"	
286	Lò Văn Kiêm	Thái	06/6/1966	3	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
287	Lò Văn Sáng	Thái	03/02/1973	5	"	
288	Lò Văn Phớ	Thái	15/12/1962	6	"	
289	Lò Văn Chanh	Thái	06/6/1970	9	"	
290	Lò Văn Minh	Thái	07/4/1988	4	Bản Noong Luống	
291	Lò Văn Ngoan	Thái	10/9/1973	3	"	
292	Lò Văn Chang	Thái	01/01/1984	4	"	
293	Lò Văn Thương	Thái	05/5/1990	4	"	
294	Lò Văn Muôn	Thái	11-11-1985	4	"	
295	Lò Văn Danh	Thái	20/8/1989	5	"	
296	Lò Văn Khỏ	Thái	18/10/1988	5	"	
297	Trần Văn Lý	Giáy	08/3/1966	7	Bản Km2	
298	Vàng Văn Lu	Giáy	17/7/1979	5	"	
299	Nguyễn Văn Thịnh	Kinh	20/01/1963	7	"	
300	Lù Văn Su	Giáy	19/5/1959	6	"	
301	Trần Văn Phúc	Kinh	05-10-1955	6	"	
302	Hoàng Văn Thuận	Kinh	20/10/1937	2	"	
303	Nguyễn Thị Tứ	Kinh	15/8/1936	1	"	
304	Lò Văn Việt	Giáy	20/8/1989	4	"	
305	Mùng Văn Lài	Giáy	07-12-1956	6	"	
306	Lò Văn Vinh	Giáy	04/7/1968	3	"	
307	Trần Văn Thân	Giáy	14/6/1993	5	"	
308	Nguyễn Văn Thanh	Kinh	15/6/1984	4	"	
309	Trang Thị Ký	Giáy	05/12/1973	2	"	
310	Nguyễn Hoài Sơn	Kinh	24/5/1986	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
311	Vàng Thị Liên (Sân)	Giáy	01/01/1962	8	"	
312	Nguyễn Văn Tài	Kinh	02/9/1986	4	"	
313	Nguyễn Thị Liên	Kinh	29/02/1960	1	"	
314	Lù Thị Phong	Giáy	01/01/1979	3	"	
315	Lù Văn Lý	Giáy	22/9/1979	1	"	
316	Nguyễn Bá Chiến	Kinh	20/12/1976	4	"	
317	Lù Văn Xấn	Giáy	09-10-1981	4	"	
318	Bùi Văn Tự	Kinh	11/5/1958	2	Bản Thống Nhất	
319	Nguyễn Ngọc Thủy	Kinh	10-12-1958	2	"	
320	Sản Văn Minh (Hạnh)	Giáy	04/10/1978	4	Bản Thèn Thầu	
321	Lù Văn Kiên	Giáy	23/01/1993	5	"	
322	Lý Văn Duẩn	Giáy	01/01/1974	4	"	
323	Vàng Văn Tương	Giáy	26/5/1973	5	"	
324	Lù Văn Phang	Giáy	02/11/1974	4	"	
325	Giàng Văn Dìn	Giáy	18/12/1961	6	"	
326	Lù Văn Quân	Giáy	27/6/1973	3	"	
327	Lù Thị Tinh	Giáy	20/10/1969	4	"	
328	Vàng Văn Siu	Giáy	10-12-1960	6	"	
329	Vùi Văn Dú	Giáy	08/7/1964	7	"	
330	Hoàng Văn Lý	Giáy	09-11-1974	3	"	
331	Lý Văn Tủi	Giáy	04/10/1957	6	"	
332	Lù Thị Vui	Giáy	14/07/1967	3	"	
333	Lù Thị Vè	Giáy	23/5/1968	5	"	
334	Lương Thị Oanh	Giáy	03/3/1987	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
335	Vàng Văn Phúc	Giáy	15/01/1967	5	"	
336	Lù Văn Cò	Giáy	01/01/1963	5	"	
337	Hoàng Thị May (Thù)	Giáy	14/02/1971	2	"	
338	Sần Văn Sơn	Giáy	10-09-1988	4	"	
339	Tổng Văn Lạc	Giáy	20/10/1964	6	"	
340	Trần Văn quyền	Giáy	05/7/1979	4	"	
341	Lù Văn Văn	Giáy	20/6/1959	6	"	
342	Giàng Văn Di	Giáy	03/10/1955	6	"	
343	Vàng Văn Phủ	Giáy	10-10-1960	3	"	
344	Sần Văn Đông	Giáy	15/8/1982	4	"	
345	Vàng Dìn Tải	Giáy	07/3/1970	4	"	
346	Lương Thị Nhịp	Giáy	10/10/1973	6	"	
347	Vùi Văn Lìn (Súi)	Giáy	28/10/1968	5	"	
348	Lù Thị Hiếng	Giáy	01/01/1971	2	"	
349	Lù Văn Mìn	Giáy	18/8/1964	3	"	
350	Vàng Văn Viên	Giáy	20/11/1983	1	"	
351	Lù Văn Sìn	Giáy	10-10-1964	3	"	
352	Lù Kim Sơn	Giáy	01/9/1961	7	"	
353	Lìu Văn Điềm	Giáy	01/01/1970	7	"	
354	Duẩn Văn Sinh	Giáy	20/10/1969	2	"	
355	Hoàng Thị Súi	Giáy	08/01/1961	9	"	
356	Duẩn Văn Trung	Giáy	16/10/1994	3	"	
357	Lù Văn Sần (Giáng)	Giáy	04/8/1956	2	"	
358	Lù Thị Lý	Giáy	15/02/1960	2	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
359	Hoàng Thị Viễn	Giáy	14/9/1989	2	"	
360	Vùi Văn Hoan	Giáy	06/3/1986	4	"	
361	Lương Thị Làn	Giáy	20/10/1976	4	"	
362	Lù Văn Lý	Giáy	19/12/1971	6	"	
363	Vũ Minh Thực	Kinh	17/10/1955	3	Bản Hoa Vân	
364	Vương Văn Bường	Kinh	15/02/1950	2	"	
365	Bùi Minh Thái	Kinh	11-07-1981	4	"	
366	Nguyễn Ngọc ý	Kinh	16/8/1952	6	"	
367	Vũ Văn Duân (Bà)	Kinh	18/3/1941	2	"	
368	Khương Thị Hiền	Kinh	18/01/1959	1	"	
369	Nguyễn Trọng Tú	Kinh	01/01/1954	5	"	
370	Nguyễn Thị Lan	Kinh	02/11/1965	2	"	
371	Nguyễn Trọng Vụ	Kinh	15/08/1957	2	"	
372	Nguyễn Quân Huân	Kinh	07/4/1957	2	"	
373	Tạ Hữu Châu	Kinh	27/7/1966	2	"	
374	Bùi Thị Gấm	Kinh	04-10-1964	1	"	
375	Nguyễn Khắc Dương	Kinh	01/11/1968	4	"	
376	Bùi Thị Tản	Kinh	02/02/1956	2	"	
377	Đỗ Duy Hồng	Kinh	'03/6/1963	4	"	
378	Bùi Thị Tuyền	Kinh	01/6/1960	1	"	
379	Nguyễn Văn Láng	Kinh	07/5/1963	2	"	
380	Hoàng Văn Thuần	Kinh	25/10/1940	2	"	
381	Vũ Thị Kết	Kinh	06/6/1975	2	"	
382	Vũ Minh Thành	Kinh	18/12/1982	5	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
383	Vũ Văn Minh	Kinh	27/07/1964	5	"	
384	Nguyễn Thị Nhâm	Kinh	24/08/1960	1	"	
385	Vũ Văn Hải	Kinh	05/5/1964	3	"	
386	Nguyễn Duy Tuyển	Kinh	15/08/1963	3	"	
387	Nguyễn Đức Nhuận	Kinh	23/4/1960	3	"	
388	Nguyễn Xuân Thịnh	Kinh	14/02/1983	5	"	
389	Nguyễn Văn Đức	Kinh	07/02/1956	4	"	
390	Nguyễn Trọng Toàn	Kinh	15/09/1959	2	"	
391	Nguyễn Văn Nhẫn	Kinh	08/02/1962	3	"	
392	Trần Anh Tuấn	Kinh	04/10/1991	4	"	
393	Lê Thị Chặt	Kinh	01/01/1956	1	"	
394	Nguyễn Thị Luyến	Kinh	03/8/1946	1	Bản Toồng Pản	
395	Lại Thị Thanh	Kinh	02/01/1967	3	"	
396	Nguyễn Trọng Toàn	Kinh	03/10/1974	5	"	
397	Nguyễn Văn Chiều	Kinh	05/7/1948	2	"	
398	Hồ Thị Lam	Kinh	15/7/1951	3	"	
399	Đàm Quang Thịnh	Kinh	01/01/1960	6	"	
400	Nguyễn Việt Thắng	Kinh	09/12/1988	4	"	
401	Đàm Quang Trường	Kinh	10-10-1974	3	"	
402	Nguyễn Văn Hùng	Kinh	12/01/1995	4	"	
403	Nguyễn Thị Cúc	Kinh	06-10-1960	1	"	
404	Nguyễn Văn Đức	Kinh	18/9/1960	1	"	
405	Cồ Lao Phà	Xạ phang	05/02/1972	3	"	
406	Hoàng Ngọc Đức	Kinh	13/02/1995	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
407	Vũ Thị Thủy	Kinh	07/5/1985	5	"	
408	Phạm Ngọc Quế	Kinh	21/7/1983	5	"	
409	Nguyễn Văn Núi	Kinh	10-10-1966	3	"	
410	Ngô Thanh Bình	Kinh	15/8/1971	4	"	
411	Phạm Ngọc Khanh	Kinh	09/5/1975	2	"	
412	Bùi Công Thường	Kinh	29/7/1952	3	"	
413	Nguyễn Hữu Tám	Kinh	08/8/1960	2	"	
414	Nguyễn Thị Xén	Kinh	14/02/1949	2	"	
415	Bùi Văn Bình	Kinh	20/11/1968	2	"	
416	Mai Thị Nhâm	Kinh	06/9/1948	5	"	
417	Hoàng Công Hiên	Kinh	05/06/1988	1	"	
418	Nguyễn Thị Thoa	Kinh	01/01/1936	1	"	
419	Nguyễn Thị Nôn	Kinh	18/9/1983	4	"	
420	Nguyễn Thị Hà	Kinh	02/12/1975	2	"	
421	Hoàng Tiến Lùng	Kinh	13/12/1980	5	"	
422	Vì Văn Thường	Kinh	28/8/1988	4	"	
423	Vũ Minh Ngọc	Kinh	20/10/1992	4	"	
424	Vũ Minh Sang	Kinh	28/9/1988	4	"	
425	Hoàng Công Thúc	Kinh	16/10/1978	4	"	
426	Hoàng Đình Diên	Kinh	09/03/1963	4	"	
427	Nguyễn Thị Vun	Kinh	15-12-1968	5	Bản Huá Bó II	
428	Nguyễn Văn Thắng	Kinh	29/04/1991	4	"	
429	Nguyễn Quý Đức	Kinh	30/06/1997	4	"	
430	Nguyễn Duy Tinh	Kinh	15-10-1986	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
431	Nguyễn Đức Tuyên	Kinh	10/03/1972	2	"	
432	Lù A Thanh	Mông	15/03/1981	5	Bản Nậm Dê	
433	Ma Seo Phìn	Mông	27/04/1967	5	"	
434	Đỗ Thị Định	Kinh	12/07/1970	1	"	
435	Ma Seo Khu	Hoa	22/12/1986	5	"	
436	Hàng A Sĩ	Kinh	01/01/1990	9	"	
437	Tráng Seo Cú	Mông	19/03/1984	5	"	
438	Giàng A Kỹ	Mông	10/01/1979	6		
439	Lồ Seo Tin	Hoa	07/07/1978	14	"	
440	Sùng A Minh	Mông	01/01/1970	4	"	
441	Hạng A Liên	Mông	23/11/1989	6	"	
442	Nguyễn Duy Cảm	Kinh	10/11/1964	2	"	
443	Lù A Tinh	Mông	20/08/1990	6	"	
444	Ma Seo Hòa	Hoa	10/08/1994	6	"	
445	Vàng Seo Sèng	Mông	17/06/1965	7	"	
446	Vũ Thị Vuốt	Kinh	1946	1	Bản Nà Đa	
447	Nguyễn Thị Nụ	Kinh	10-05-1954	1	"	
448	Vũ Thị Sẹo	Kinh	20-08-1938	3	"	
449	Nguyễn Thị Chút	Kinh	16-08-1965	2	"	
450	Nguyễn Bá Nhũ	Kinh	01/01/1958	3	"	
451	Trần Đình Oanh	Kinh	26-08-1963	4	"	
452	Nguyễn Thị Chắt	Kinh	06-04-1953	2	Bản Tiên Bình	
453	Nguyễn Thị Dinh	Kinh	06-06-1947	4	"	
454	Nguyễn Thị Bay	Kinh	15-08-1948	1	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
455	Phạm Thị Hoa	Kinh	08-09-1982	2	"	
456	Sý Văn Dy	Thái	1958	5	Bản Nậm Tường	
457	Đèo Văn Long	Thái	01-01-1987	4	"	
458	Lò Văn Nhớ	Thái	20/12/1982	5	"	
459	Nùng Văn Đăm	Thái	11-10-1966	4	Bản Sân Bay	
460	Lò Văn Cương	Thái	28-01-1991	4	"	
461	Tao Văn Bung	Thái	01-01-1972	5	"	
462	Teo Văn Thiết	Thái	18-05-1979	5	Bản Bình Luông	
463	Tao Thị Lả	Thái	21-05-1955	6	"	
464	Lò Thị Thọc	Thái	16-05-1966	2	"	
465	Vàng Văn Sơn	Thái	13-05-1988	5	"	
466	Tần Văn Nam	Dao	07-07-1977	4	Bản Thác Tình	
467	Lù A Sảo	Dao	10-08-1967	2	"	
468	Phàn A Soong	Dao	1968	1	"	
469	Phàn A Cồng	Dao	01-05-1993	4	"	
470	Phàn A San	Dao	23-03-1968	3	"	
471	Phàn A Tu	Dao	07-07-1970	5	"	
472	Phàn A Lủ	Dao	10-07-1996	5	"	
473	Tần Thị Sảm	Dao	16-08-1978	4	"	
474	Lù A Giao B	Dao	15-05-1981	4	"	
475	Tần A Giao	Dao	15-05-1991	5	"	
476	Phàn A Páo A	Dao	02-10-1975	4	"	
477	Tần A San	Dao	1964	3	"	
478	Tần Cau Sứ	Dao	1980	4	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
479	Tần A Cau	Dao	04-12-1978	5	"	
480	Tần A Cau	Dao	08-04-1978	6	"	
481	Tần A Pao B	Dao	1989	4	"	
482	Tần A Cau Nghị	Dao	19-09-1979	5	"	
483	Phàn A Páo ©	Dao	02-06-1994	4	"	
484	Tần A Sử (Sú)	Dao	16-09-1978	6	"	
485	Hoàng A Nao (Mêng)	Dao	18/9/1987	5	"	
486	Lù A Páo (B)	Dao	16-07-1980	5	"	
487	Tần A Lai	Dao	17/4/1999	4	"	
488	Sý Thị Tý	Thái	03-02-1950	4	Bản Thác Cạn	
489	Lò Văn Báo	Thái	01-01-1989	4	"	
490	Sý Thị Hương	Thái	01-01-1976	4	"	
491	Sý Văn Nên	Thái	12-09-1960	10	"	
492	Tao Văn Noi	Thái	09-10-1977	6	"	
493	Lò Thị Thêm	Thái	14/6/1970	5	"	
494	Vân Văn Cẩm	Thái	18/11/1957	5	"	
495	Lò Văn Vương	Thái	23/01/1988	4	"	
496	Lò Văn Thịnh	Thái	01-01-1985	4	"	
497	Lừu Thị Vội	Thái	27/6/1985	4	"	
498	La Văn Thượng	Thái	01-01-1968	5	"	
499	La Thị Vạt	Thái	06-08-1972	4	"	
500	Lò Thị Ly	Thái	16/8/1973	3	"	
501	Tao Thị Lanh	Thái	28-09-1961	3	"	
502	Lành Văn Hám	Thái	10-06-1987	6	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
503	Lèo Văn Sin	Thái	03-02-1966	7	"	
504	Lò Văn Pợ	Thái	28-02-1964	3	"	
505	Lò Văn Quyết	Thái	10-10-1985	5	"	
506	Trần Dầu Sính	Thái	12-02-1984	8	"	
507	Lành Văn Cầm	Thái	08-10-1959	7	"	
508	La Văn Noi	Thái	01-01-1977	6	"	
509	Vân Thị Koi	Thái	26/10/1978	3	"	
510	Vũ Thị Tươi	Thái	26/3/1957	2	"	
511	Mào Văn Nên	Thái	26-02-1970	6	"	
512	Hồ Seo Tề	Hoa	16-03-1996	6	"	
513	Lù Văn Lý	Thái	02-01-1929	2	Bản Mường Cầu	
514	Lò Thị Thơi	Thái	01-01-1980	5	"	
515	Lù Thị Nhúm	Thái	11-12-1979	11	"	
516	Lò Thị Kiêm	Thái	13-04-1973	4	"	
517	Lò Thị Phụi(Hín)	Thái	10-10-1974	7	"	
518	Mã Thị Dong	Thái	13-07-1979	3	"	
519	Má Thị Thụy	Thái	10-05-1970	3	"	
520	Sý Thị Thiên	Thái	01-07-1958	4	"	
521	Vàng Văn Phòng	Thái	03-10-1980	5	Bản Hô Ta	
522	Lý Văn Ngoan	Thái	01-01-1983	4	"	
523	Hà Văn Phương	Thái	01-01-1979	4	"	
524	Hà Văn Kiêm	Thái	06-04-1976	6	"	
525	Lò Văn Nhiên	Thái	17/1/1982	5	Bản trung Tâm	
526	Lò Thị Anh	Thái	01-01-1976	2	Bản Mường Mớ	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
527	Lò Thị Tó	Thái	14-02-1961	2	"	
528	Lý Thị Bồng	Thái	01-01-1955	4	"	
529	Lò Văn Định	Thái	14-06-1965	7	"	
530	Lò Thị Phe	Thái	15-11-1970	1	"	
531	Hà Thị En	Thái	20-12-1967	6	"	
532	Lò Thị Phứi	Thái	1957	6	"	
533	Lò Thị Thiếp	Thái	12-09-1978	2	"	
534	Hà Thị Vệ	Thái	01-01-1944	4	"	
535	Hoàng Thành Văn	Thái	09-04-1950	1	"	
536	Tòng Văn Mán	Thái	15/10/1954	2	"	
537	Vàng Văn Nhỏ	Thái	11-05-1966	4	"	
538	Lò Thị Vùi	Thái	12-08-1961	7	"	
539	Lường Văn Té	Thái	10-06-1949	6	"	
540	Hà Văn Ngành	Thái	06-03-1990	4	"	
541	Trần Quang Nghĩa	Thái	19/8/1957	4	"	
542	Vàng Văn Thanh	Thái	01-01-1956	8	"	
543	Lò Thị Khum	Thái	01-01-1961	2	"	
544	Vũ Sử Dẫn	Thái	27/1/1997	2	"	
545	Lò Văn Vinh	Thái	04-09-1986	5	"	
546	Hà Văn Mạnh	Thái	20-08-1985	7	"	
547	Lương Thị Nhí	Giáy	07-07-1954	2	Bản Máy Đường	
548	Nguyễn Văn Trí	Kinh	11-11-1980	4	"	
549	Nguyễn Văn Thành	Kinh	27/3/1984	6	"	
550	Trần Thị Dung	Kinh	12-02-1947	2	"	

STT	Họ Và Tên Chủ Hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
551	Phạm Thị Gái	Kinh	20/10/1952	2	"	
552	Nguyễn Hữu Vất	Kinh	01-01-1947	4	"	
553	Lù Thị Mười	Giáy	25/12/1953	2	Bản Cò Ná	
554	Phan Thị Hợp	Giáy	10-10-1972	4	"	
555	Lò Văn Thóng	Giáy	01-01-1966	5	"	
Tổng: 555 hộ trung bình, 2421 khẩu.				2421		

DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2025 XÃ BÌNH LỰ

(Kèm theo Quyết định số: 280 /QĐ -UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Bình Lự)

Tổng số hộ cận nghèo 176 hộ, 833 khẩu.

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
1	Sỹ Văn Bấy	Thái	25/02/1986	5	Bản Nà Khan	
2	Lò Văn Thắng	Thái	08/5/1985	8	"	
3	Lò Văn Chung	Thái	17/3/1988	5	"	
4	Lò Văn Sim	Thái	28/7/1991	4	"	
5	Vàng Văn Thơ	Thái	01/8/1993	6	"	
6	Lò Văn Dên	Thái	20/10/1969	6	"	
7	Lò Bình Minh	Thái	07-11-1976	6	"	
8	Lò Văn Thạch	Thái	02/7/1966	3	"	
9	Lò Văn Hoan	Thái	15/01/1979	4	"	
10	Đèo Văn Hùng	Thái	01/10/1990	4	"	
11	Lò Văn Thiên	Thái	17/02/1969	4	"	
12	Sỹ Văn Thâm	Thái	25/09/1973	7	"	
13	Lìu Văn Thịnh	Thái	14/02/1974	8	"	
14	Sỹ Văn Kế	Thái	28/4/1983	4	"	
15	Lò Văn Xanh	Thái	01/01/1970	6	"	
16	Lò Văn Thêm	Thái	04/12/1966	4	"	
17	Sỹ Vã Dũng	Thái	05/12/1979	5	"	
18	Vàng Văn Chiêng	Thái	01/01/1951	7	"	
19	Vàng Văn Định	Thái	15/5/1986	5	"	
20	Sỹ Văn Nghiêm	Thái	09-12-1992	4	"	
21	Vàng Văn Khiêm	Thái	28/11/1973	7	"	
22	Hà Văn Thỏ	Thái	02-10-1981	6	"	
23	Teo Văn Thật	Thái	13/01/1982	7	Bản Nà Phát	
24	Lò Văn Sơn	Thái	05/9/1985	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
25	Lò Văn Bình	Thái	26/02/1987	5	"	
26	Lò Văn Sáng	Thái	01/5/1985	4	"	
27	Lò Văn Thờn	Thái	03-12-1975	8	"	
28	Lò Văn Tế	Thái	11/02/1987	4	"	
29	Vàng Thị Xuân	Thái	19/12/1966	5	"	
30	Lò Văn Sâm	Thái	10-12-1986	4	"	
31	Nguyễn Thị Dân	Kinh	05/8/1958	2	Bản Tân Bình	
32	Lại Văn Đồi	Kinh	03/5/1966	2	"	
33	Đình Danh Sáng	Kinh	01/5/1968	3	"	
34	Nguyễn Đức Ngợi	Kinh	01/01/1944	2	"	
35	Nguyễn Thị Toan	Kinh	25/5/1955	1	Bản Hưng Bình	
36	Nguyễn Hữu Việt	Kinh	01/01/1952	2	"	
37	Đình Danh Toàn	Kinh	06/4/1986	4	"	
38	Nguyễn Văn Thoát	Kinh	16/5/1951	2	"	
39	Nguyễn Đức Tỉnh	Kinh	01/01/1973	1	"	
40	Tao Văn Thờn	Lự	07/5/1973	5	Bản Pa Pe	
41	Lò Văn Kéo (Khang)	Lự	06/7/1994	2	"	
42	Lò Văn Sòn (Bín)	Lự	05/01/1979	4	"	
43	Lò Văn Chum	Lự	08/6/1962	5	"	
44	Lò Văn Ngân (Hà)	Lự	12/01/1991	5	"	
45	Lò Văn Khảm (Điêng)	Lự	01/4/1953	7	"	
46	Lò Văn Ngân (chiến)	Lự	07/9/1988	4	"	
47	Tòng Văn Hưng	Thái	27/02/1991	4	Bản Nà Hum	
48	Mào Thị Minh	Thái	08-10-1981	2	"	
49	Quàng Văn Sơn	Thái	03/3/1983	6	"	
50	Vàng Văn Ợt	Thái	07/01/1945	6	"	
51	Nùng Văn Ôn	Thái	05/7/1979	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
52	Lò Văn Hoàn	Thái	02/2/1982	4	"	
53	Lò Thị Ngẹt	Thái	08-10-1969	5	"	
54	Quàng Văn Tâm	Thái	05/01/1969	8	"	
55	Lò Văn Trận	Thái	19/5/1988	4	"	
56	Mào Văn Sa (Nhén)	Thái	20/09/1993	8	"	
57	Lò Văn Sín	Thái	20/02/1977	4	"	
58	Quàng Văn Sinh	Thái	12/03/1989	5	"	
59	Điêu Chính Thân	Thái	08-11-1974	7	"	
60	Nùng Văn Út	Thái	01/01/1984	4	"	
61	Mào Văn Ngăn	Thái	01/01/1986	4	"	
62	Lò Văn Ngách	Thái	09/02/1983	4	"	
63	Lò Văn Khất	Thái	'02/02/1976	4	Bản Nà Cà	
64	Lò Văn Anh	Thái	'01/01/1980	4	"	
65	Lường Văn Yên	Thái	'08/10/1972	5	"	
66	Lò Thị Nung (súa)	Thái	'09/06/1979	4	"	
67	Quàng Văn Xiên	Thái	09-12-1976	4	"	
68	Lò Thị Điện	Thái	'08/06/1970	4	"	
69	Tòng Thị Ón	Thái	01/7/1977	2	"	
70	Lò Văn Kiển	Thái	10/03/1960	7	"	
71	Lò Thị Éo	Thái	01/01/1960	6	Bản Nà Đon	
72	Lò Văn Danh	Thái	04-12-1986	5	"	
73	Lò Văn Dương (Hop)	Thái	06/01/1989	6	"	
74	Lò Văn Diến	Thái	15/06/1962	6	"	
75	Lò Văn Lý	Thái	02/12/1955	6	"	
76	Lò Văn Tươi	Thái	18/08/1992	3	"	
77	Teo Văn Thạch	Thái	18/7/1971	3	"	
78	Lò Văn Linh	Thái	26/7/1989	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
79	Lò Văn Tiên	Thái	03/3/1987	8	"	
80	Vàng Văn Minh	Thái	09/7/1985	5	"	
81	Lò Văn Nói	Thái	01/6/1962	7	Bản Nà San	
82	Vàng Văn Ủ	Thái	08/10/1959	6	"	
83	Lò Văn Xính	Thái	01/01/1977	7	"	
84	Lò Văn Lôg	Thái	13/3/1983	8	"	
85	Tòng Văn Ngành	Thái	09/6/1965	8	"	
86	Lò Văn Ngoạn	Thái	03/02/1977	7	"	
87	Tòng Văn Khén	Thái	01/01/1971	3	"	
88	Lò Văn Sẻo	Thái	01/7/1979	4	Bản Noong Luống	
89	Sở A Vàng	Hà nhì	26/11/1973	5	Bản Km2	
90	Đặng Xuân Giao	Kinh	03/12/1983	3	"	
91	Trang Thị Xuân	Giáy	15/12/1965	8	"	
92	Đặng Thị Đậu	Kinh	08/10/1957	1	Bản Thống Nhất	
93	Lý Thị Mỏi	Giáy	01/8/1965	2	Bản Thèn Thầu	
94	Hoàng Văn Chấn	Giáy	02/01/1956	5	"	
95	Lý Văn Chứ	Giáy	01/10/1976	8	"	
96	Vàng Văn Yêu	Giáy	02/5/1976	3	"	
97	Vàng Thị Kiềm	Giáy	01/01/1969	2	"	
98	Lù Văn Kim	Giáy	30/5/1969	3	"	
99	Tổng Thị Giáo	Giáy	01/01/1948	6	"	
100	Lìu Thị Nhén	Giáy	20/5/1971	5	"	
101	Phan Thị Nò	Giáy	01/3/1967	2	"	
102	Lù Văn Quyết	Giáy	20/12/1985	4	"	
103	Sần Văn Chin	Giáy	01/01/1957	5	"	
104	Su Thị Bức (Quay)	Giáy	20/7/1966	5	"	
105	Lù Thị Làn	Giáy	04-11-1974	3	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
106	Lý Văn Hòa	Giáy	20/10/1966	2	"	
107	Vàng Văn Nghi	Giáy	03-10-1985	5	"	
108	Lù Văn Nam	Giáy	17/11/1994	4	"	
109	Vàng Văn Tài	Giáy	08/8/1989	4	"	
110	Lý Thị Seo	Giáy	26/12/1963	1	"	
111	Lý Văn Trương	Giáy	27/01/1989	5	"	
112	Vàng Văn Yên	Giáy	07/4/1971	5	"	
113	Lù Văn Bằng	Giáy	10-10-1988	4	"	
114	Phan Thị Lại	Giáy	10/02/1951	2	"	
115	Vàng Thị Bức	Giáy	15/12/1949	5	"	
116	Nguyễn Thị Vi	Kinh	01/01/1953	3	Bản Hoa Vân	
117	Bùi Thị Mai	Kinh	01/01/1968	3	"	
118	Đặng Thị Hồng Hợi	Kinh	06-10-1983	4	"	
119	Vũ Thị Oanh	Kinh	10-10-1959	2	Bản Toòng Pẩn	
120	Nguyễn Văn Vị	Kinh	01/01/1981	2	"	
121	Nguyễn Danh Thái	Kinh	06-10-1990	6	"	
122	Hoàng Thị Quyên	Kinh	28/9/1988	4	"	
123	Vàng Thị Lân (Tuyên)	Nùng	17/02/1978	2	"	
124	Lê Thị Thìn	Kinh	14/11/1963	2	"	
125	Hồ Thị Huê	Kinh	01/01/1959	1	"	
126	Trần Thị Đào (Dự)	Kinh	03/5/1981	2	"	
127	Vàng A Su	Mông	01-01-1976	3	Bản Chu Va 12	
128	Sùng A Cắng	Mông	01-01-1965	7	"	
129	Sùng A Vàng	Mông	01-01-1962	3	"	
130	Giàng Thị Sông	Mông	23/09/1971	7	Bản Chu va 6	
131	Cứ Thị Giàng	Mông	01/01/1982	6	"	
132	Vàng A Chúng	Mông	20/05/1984	5	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
133	Giàng Thị Cô	Mông	09/09/1963	5	"	
134	Giàng A Kỳ	Mông	10/01/1963	6	"	
135	Giàng A Sang	Mông	01/01/1998	4	Bản Chu va 8	
136	Lâu A Giáy	Mông	01/12/1982	8	"	
137	Giàng A Chính	Mông	25/10/1963	2	"	
138	Giàng A Giàng	Mông	01/01/1987	5	"	
139	Chảo A Chia	Dao	20/12/1993	6	"	
140	Má Thị Tùng	Mông	01/01/1991	6	"	
141	Lý A Lồng	Mông	01/01/1985	8	"	
142	Sùng Seo Phổng (Mỹ)	Mông	01/01/1987	5	Bản Nậm Dê	
143	Giàng A Chu	Mông	01/02/1997	3	"	
144	Ma Chiu Sánh	Mông	01/10/1988	6	"	
145	Giàng A Châu	Mông	06/01/1964	3	"	
146	Sùng A Cha	Mông	01/01/1989	5	"	
147	Lù A Páo	Mông	07/07/1968	8	"	
148	Vàng Thị Sáy	Mông	01/01/1966	8	Bản 46	
149	Lèo Thị Hoa (Quân)	Giáy	06-11-1978	3	"	
150	Lành Văn Sinh	Hoa	20/03/1967	7	"	
151	Tráng Chín Lin	Hoa	01/01/1966	10	"	
152	Chang Sử Mây	Hoa	01/03/1956	1	"	
153	Hoàng Ly Pao	Hoa	01/01/1929	4	"	
154	Lừu Thị Than	Thái	02-01-1962	1	Bản Tân Hợp	
155	Lò Văn Ụt	Thái	01/01/1966	6	"	
156	Hạng A Vang	Mông	07-11-1992	8	Bản Huổi Ke	
157	Vàng A Giàng	Mông	20/02/1983	8	"	
158	Vàng A Tăng	Mông	01/01/1986	6	"	
159	Hạng A Lử	Mông	01/03/1978	9	"	

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số khẩu	Địa chỉ bản	Ghi chú
160	Hạng A Lê	Mông	21/06/1995	7	"	
161	Phùng Lao Lở	Dao	01/01/1976	5	"	
162	Lìu Thị Lìu (Mềnh)	Dao	01/01/1973	6	"	
163	Vàng A Tinh	Mông	01/01/1986	6	"	
164	Đình Bá Huy	Kinh	05-05-1968	10	Bản Sân bay	
165	Lò Thị Thân	Thái	29-11-1971	5	Bản Bình Luông	
166	Tần Thị Đảo	Dao	07-07-1963	3	Bản Thác Tình	
167	Tần A Lủ	Dao	31-12-1963	5	"	
168	Sý Văn Dỷ	Thái	01-01-1954	6	Bản Thác Cạn	
169	Hoàng Văn Tiếp	Thái	13-04-1974	5	"	
170	Lý Thị Lả	Thái	19-07-1970	4	"	
171	Lò Văn Hoài	Thái	07-07-1978	4	Bản mừng Mớ	
172	Lục Pỉnh Khoản	Hoa	20-09-1945	3	"	
173	Teo Thị Kiễn	Thái	1955	6	"	
174	Lò Văn Quỳnh	Thái	17-10-1976	4	"	
175	Teo Thị Lê	Thái	1987	2	"	
176	Trang Văn Chân	Giáy	22-10-1962	5	Bản Cò Lá	
Tổng cộng: 176 hộ cận nghèo, 834 khẩu				834		